

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM
Năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500447942, cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004 (thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 5 năm 2023).
- Vốn điều lệ: 98.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 98.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 2, ngõ 121B, phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 33 838 181
- Website: www.kipvietnam.vn
- Mã cổ phiếu: KIP
- Quá trình hình thành và phát triển
 - + Công ty được thành lập ngày 11 tháng 01 năm 1967 theo Quyết định số: 40/BCN- Kb2 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
 - + Ngày 31/12/2003 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số: 247/2003/QĐ - BCN về việc chuyển Công ty Khí cụ điện I thành Công ty cổ phần Khí cụ điện 1, đến tháng 12/2017 đổi tên thành Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam. Từ tháng 5/2004 đến nay Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
 - + Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;

+ Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty có 03 chi nhánh như sau

+ Chi nhánh miền Bắc, tại số 96 - 98 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

+ Chi nhánh miền Trung, tại 102 Hoàng Tăng Bí, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Chi nhánh miền Nam, tại 185- 189 Âu Cơ, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên môn, 7 phòng ban, 3 xưởng sản xuất, 3 chi nhánh.

- Công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư phát triển theo định hướng đa dạng hóa mặt hàng khí cụ điện, có trọng tâm nghiên cứu nhóm hàng có giá trị doanh thu cao.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

+ Thực hiện, duy trì có hiệu lực, hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, tạo ra các sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường. Mọi hoạt động về môi trường đều được tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan.

+ Tích cực thực hiện các đợt vận động, ủng hộ từ thiện, thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

5. Các rủi ro

Nguyên vật liệu đầu vào - vật tư - bán thành phẩm biến động theo xu hướng tăng làm chi phí sản xuất tăng, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Các nhà phân phối của Công ty giảm nhiệt khi đối diện với thách thức của thị trường, giá bán cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân, nhỏ lẻ sản xuất thiết bị điện trong nước cũng như sự xuất hiện tràn ngập hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường thiết bị điện.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh

a) Kết quả sản xuất kinh doanh

| T T | Các chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2023 | TH/ KH (%) | 2024/ 2023 (%) |
|--------|------------------|-------|-----------------|-----------------|------------------|----------------------|
| 1 | Tổng DT thuần | Đồng | 374.542.722.963 | 387.052.342.885 | 96,5 | 96,8 |
| 2 | Lợi nhuận TT | Đồng | 13.746.392.533 | 8.353.452.311 | 83,3 | 164,6 |
| 3 | Nộp NSNN | Đồng | 9.835.729.478 | 14.715.039.300 | | 66,8 |
| 4 | Tổng đầu tư | Đồng | 2.222.364.979 | 7.517.776.666 | 31,7 | 29,6 |
| 5 | Tỷ lệ trả cổ tức | %/năm | 10 | 8 | 100 | 125 |

b) Đánh giá việc thực hiện so với kế hoạch và năm trước liền kề

Tổng doanh thu năm 2024 so với kế hoạch đạt 96,5%, bằng 96,8% so với năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 13,746 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2023 tăng 5,393 tỷ đồng - tương ứng tỷ lệ là 64,6%. Nguyên nhân lợi nhuận thực hiện vượt so với năm 2023 là do: Công ty liên tục cải tiến công nghệ, tiết kiệm vật tư, nhằm hạ giá thành sản phẩm, do vậy tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu giảm, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

a) Bà Trương Thị Hương Lan - Tổng giám đốc

Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 29/5/1968; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 63 Trần Duy Hưng, tổ 15, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ học vấn: Đại học
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 86.000 CP.

b) Ông Âu An Giang - Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam; Ngày sinh: 10/5/1980; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
Trình độ học vấn: Thạc sĩ
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 CP.

c) Bà Phan Thị Thuý - Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 24/6/1980; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
Trình độ học vấn: Đại học
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 26.000 CP.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành năm 2024:

- Bộ máy quản lý gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên môn, Trưởng - phó phòng ban, Giám đốc - Phó giám đốc các xưởng, Giám đốc các Chi nhánh.

- Số lượng cán bộ công nhân viên (tại thời điểm ngày 31/12/2024)

| TT | Trình độ lao động | Số người | Tỷ lệ (%) |
|----|--|------------|------------|
| 1 | Trình độ Đại học, trên ĐH | 75 | 22 |
| 2 | Cao đẳng, trung cấp | 36 | 11 |
| 3 | Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông | 223 | 67 |
| | Tổng số | 334 | 100 |
| | Trong đó: Lao động nữ | 146 | 44 |

- Chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ tiền lương được Công ty trả cho người lao động căn cứ vào khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc. Đối với công nhân lao động trực tiếp sản xuất: Lương được trả theo định mức lao động, đối với lao động hưởng lương thời gian được trả theo lương khoán.

+ Ngoài chế độ tiền lương, căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện chế độ chi tiền thưởng, chi trả tiền ăn giữa ca, tiền mừng ngày sinh nhật, tiền thưởng nhân các ngày Lễ, Tết, tiền nghỉ mát, ...

+ Các chế độ của người lao động được Công ty tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về lao động, như: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, thực hiện việc trích đóng BHXH cho người lao động đầy đủ nên các chế độ bảo hiểm của người lao động được đảm bảo. K.I.P thường xuyên chăm lo công tác y tế, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp đúng luật định cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư

Kế hoạch đầu tư năm 2024 được ĐHĐCĐ phê duyệt là 7 tỷ đồng, thực tế tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã ghi nhận tổng mức đầu tư đến ngày 31/12/2024 là 2.222.364.979 đồng, trong đó: Đầu tư máy móc thiết bị là 1.888.154.954 đồng, còn lại là đầu tư xây dựng cơ bản 334.210.025 đồng.

Quá trình đầu tư đều thực hiện đúng các thủ tục, đảm bảo tiến độ đối với các hạng mục đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2023 | ĐVT: Đồng |
|------------------------|-----------------|-----------------|---------------|
| | | | 2024/2023 (%) |
| - Tổng giá trị tài sản | 261.827.165.796 | 279.953.001.959 | 93,5% |
| - Doanh thu thuần | 374.542.722.963 | 387.052.342.885 | 96,8% |

| | | | |
|------------------------------|----------------|---------------|--------|
| - Lợi nhuận từ hoạt động KD | 13.502.111.032 | 8.662.278.876 | 155,9% |
| - Lợi nhuận khác | 244.281.501 | (308.826.565) | 179,1% |
| - Lợi nhuận trước thuế | 13.746.392.533 | 8.353.452.311 | 164,6% |
| - Lợi nhuận sau thuế | 10.809.871.888 | 6.500.839.136 | 166,3% |
| - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 10% | 8% | 125% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | SS 2024/ 2023 (%) |
|--|----------|----------|-------------------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn | 2,47 | 2,96 | 119,8% |
| + Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 0,75 | 0,65 | 86,7% |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | | | |
| + Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 34,34% | 29,45% | 85,8% |
| + Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu | 52,30% | 41,74% | 79,8% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần) | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | 2,10 | 2,12 | 101% |
| + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bq | 1,30 | 1,38 | 106,2% |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần | 1,68% | 2,89% | 172% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bq | 3,48% | 5,87% | 168,7% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq | 2,19% | 3,99% | 182,2% |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 2,24% | 3,60% | 160,7% |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| TT | Tên chi tiết | ĐVT | Số tiền (Đồng) |
|----|--|----------|----------------|
| 1 | Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| | Vốn góp đầu năm | Đồng | 98.000.000.000 |
| | Vốn góp cuối năm | Đồng | 98.000.000.000 |
| 2 | Cổ phiếu | Cổ phiếu | |
| | - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | 9.800.000 |
| | - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | - | 9.800.000 |
| | + Cổ phiếu phổ thông | - | 9.800.000 |
| | - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | - | 9.800.000 |
| | + Cổ phiếu phổ thông | - | 9.800.000 |
| | - Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | Đồng | 10.000 |

b) Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm chốt ngày 21/10/2024)

| TT | Tên chi tiết | Số tiền | Tỷ lệ |
|----|---|-----------------------|-------------|
| 1 | Công ty TNHH Công nghệ cao Grantex Việt Nam | 20.000.000.000 | 20,41 |
| 2 | Cổ đông thể nhân | 78.000.000.000 | 79,59 |
| 3 | Tổng | 98.000.000.000 | 100% |

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Một số nguyên vật liệu chính sử dụng trong năm như sau (ĐVT: Kg)

| TT | Tên nguyên vật liệu | Số lượng | TT | Tên nguyên vật liệu | Số lượng |
|----|---------------------|------------|----|--------------------------------|------------|
| 1 | Đồng nội | 53.943 | 10 | Kẽm thỏi | 899,7 |
| 2 | Đồng ngoại | 57.879,27 | 11 | Téch tô lít | 1.803,1 |
| 3 | Đồng dây | 350.852,34 | 12 | Nhựa mềm | 352.299 |
| 4 | Thép lá | 149.199 | 13 | Nhựa cứng | 177.995 |
| 5 | Thép phi tròn | 8.385,4 | 14 | Nhựa dây | 480.140,71 |
| 6 | Thép lò xo | 5.813,3 | 15 | HNO ₃ | 2.940 |
| 7 | Thép trắng | 1.668,1 | 16 | H ₂ SO ₄ | 2.855 |
| 8 | Bimeltan | 225,4 | 17 | FeSO ₄ | 3.550 |
| 9 | Kẽm lá | 2.139,4 | 18 | Ca(OH) ₂ | 3.450 |

6.2 Tiêu thụ năng lượng, năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến - cải tiến kỹ thuật

Trong năm 2024, Công ty đã sáng tạo, đổi mới công nghệ, với tổng số 40 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, tiết kiệm vật tư, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường. Trong đó, tiêu biểu là công trình sáng kiến cải tiến sau:

- Cải tiến chuyển đổi công nghệ tán Cùm tiếp xúc Ô cắm S031 - 32A chuyển từ tán tay sang tán máy, giúp nâng cao năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm.
- Cải tạo máy tán đỉnh Cầu dao sứ 20A-30A thành tán Cầu dao sứ 60A, giúp nâng cao độ ổn định sản phẩm, hạn chế quá trình gá đặt tháo lắp.
- Nghiên cứu chế tạo đồ gá lắp ghép gia công công trình thép khí, giúp thúc đẩy nhanh quá trình gia công, đảm bảo độ chính xác và an toàn trong chế tạo lắp đặt.
- Đề xuất thay đổi lõi cách điện của dây VCm 0,3 và 0,5 về cùng đường kính 2,3mm, giúp tiết kiệm vật tư, thuận lợi trong quá trình bọc dây.

6.3 Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước: Nước sạch của Công ty CP cấp nước Sơn Tây, với tổng lượng nước sử dụng trong năm là 11.365 m³.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế, tái sử dụng: Không có.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty áp dụng Hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 từ năm 2011. Mọi hoạt động về bảo vệ môi trường đều được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt, theo yêu cầu luật định và phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Giấy phép môi trường đã được phê duyệt vào tháng 10/2023, thay thế cho Đề án bảo vệ môi trường có hiệu lực từ năm 2010 và Giấy phép xả thải có hiệu lực từ tháng 6/2020, trong năm 2024 K.I.P Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu của Giấy phép môi trường và nghĩa vụ của người sử dụng lao động về ATLĐ - VSLĐ - BVMT, nên không có khiếu nại từ cộng đồng dân cư và không bị xử lý bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động tại thời điểm ngày 31/12/2024: 334 người, mức thu nhập bình quân người lao động được trả là 11.694.725 đồng/người/tháng, bằng 102% so với năm 2023.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Được Công ty triển khai thực hiện đúng theo pháp luật lao động, Thỏa ước lao động

tập thể và Nội quy lao động của Công ty, như: Triển khai khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp 2 lần/năm; bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại theo đúng hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chế độ nghỉ mát, chúc mừng sinh nhật, thăm hỏi người lao động khi ốm đau được triển khai, theo cam kết trong Thỏa ước - phù hợp với thực tế sản xuất – kinh doanh tại Công ty.

- Công tác đào tạo: Công ty triển khai hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho người lao động theo thực tế sản xuất – kinh doanh của Công ty và đảm bảo theo yêu cầu pháp luật lao động, pháp luật ATVSLĐ đối với cả người lao động và người sử dụng lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổng số tiền đóng góp các quỹ xã hội và hoạt động từ thiện năm 2024 là 80.300.000 đồng.

Nội dung ủng hộ: Quỹ vì biển đảo, Quỹ vì người nghèo, Quỹ khuyến học, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ trẻ em.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với sự cố gắng của Ban Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng định hướng, đảm bảo sự ổn định tương đối trong điều kiện Công ty còn chịu sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, bảo toàn được vốn của cổ đông.

Trong năm, Ban điều hành đã tập trung vào việc thực hiện các giải pháp công tác thị trường, chính sách bán hàng, nhằm thúc đẩy tiêu thụ, bán được hàng ở mức cao nhất có thể, duy trì sản xuất, kinh doanh ở mức tương đối ổn định nhất có thể.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản của Công ty

Năm 2024 đảm bảo được tài sản và sử dụng có hiệu quả cho sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.

- Các khoản phải thu ngắn hạn là: 31.650.507.764 đồng, trong đó: trích dự phòng phải thu khó đòi là: 4.739.381.933 đồng, các khoản nợ đều có khả năng thu được.

b) Tình hình nợ phải trả

- Số nợ phải trả là: 77.104.089.699 đồng, tỷ lệ bằng 29,45%/tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, các khoản nợ phải trả Công ty có đủ điều kiện trả nợ đúng kỳ hạn.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Mục tiêu doanh thu: tăng trưởng bình quân trên 5%/ năm.

- Bảo toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu, giữ vững nền tài chính của Công ty minh bạch, lành mạnh.

- Giữ vững thương hiệu của K.I.P là thương hiệu mạnh, với phương châm: Chất lượng vì cuộc sống, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, thỏa mãn sự mong đợi của khách hàng.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Mục tiêu, chỉ tiêu môi trường của Công ty năm 2024 tiếp tục được xây dựng, thể hiện việc nhất quán với chính sách chất lượng và môi trường, phù hợp với mục đích muốn đạt được của hệ thống QLMT như việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên...; thể hiện việc cam kết phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát xả thải vào môi trường; thực hiện các yêu cầu của luật pháp liên quan và khắc phục các hạng mục vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép; kiểm soát, quản lý các khía cạnh môi trường nổi bật đã được xác định.

Cụ thể: Công ty xây dựng 5 mục tiêu môi trường và triển khai thành 15 chỉ tiêu để bao quát các hoạt động môi trường Công ty phải thực hiện. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng Chương trình Quản lý môi trường, có phân công trách nhiệm cụ thể tới các đơn vị, bộ phận chức năng để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đã đặt ra.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã thực hiện đúng và đủ các yêu cầu của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động. Trong năm Công ty không có khiếu nại nào từ người lao động. Từ thực tế tình hình thị trường, nên việc làm đối với người lao động có thời điểm cũng bị giảm sút, Công ty đã cân đối, điều phối nội bộ để người lao động có thể luân chuyển sang công việc khác có lượng việc đều hơn, nhằm đảm bảo yên tâm công tác cho CBCNV.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện, đóng góp đủ các quỹ do chính quyền địa phương phát động, như Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ trẻ em,....

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Hội đồng quản trị đã làm việc nỗ lực hỗ trợ Ban điều hành và giám sát chặt chẽ tình hình triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra trong năm 2024.

Một số chỉ tiêu tài chính dù trong năm chưa đạt theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra, nhưng cơ bản đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận đã đạt mức tăng trưởng so với năm 2023.

2. Ban Tổng giám đốc đã lãnh đạo Công ty sản xuất kinh doanh đúng theo quy định của pháp luật: tăng cường công tác quản trị, giám sát việc quản lý sử dụng vốn, tài sản phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn của cổ đông. Tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu vốn và tài sản hợp lý, có tiềm năng phát triển bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Chỉ đạo tập trung công tác đầu tư đảm bảo đúng định hướng đã được ĐHĐCĐ giao.

b) Nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo quản lý - sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản tại Công ty.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

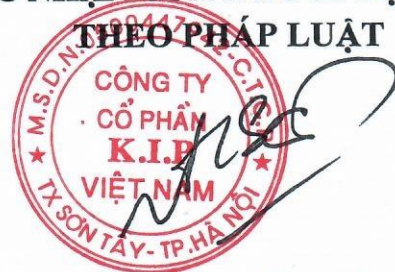
Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Hương Lan

